

bị lãng phí ; bị phí hoài ; bị phí phạm ; bị ; bỏ mất ; bỏ ra ; dành ; giết ; giựt ; hoang phí ; hoang ;
hoài phí ; hấn tàn phá ; làm lãng phí ; làm mất ; lãng phí ; lãng phí ; mất ; người ta phí ; phung
phí ; phá hoang ; phá đê ; phê dữ ; phê thuốc ; phí hoài ; phí nó ; phí phạm ; phí quá ; phí ; sự
lãng phí ; ta phí ; thải ra ; thải ; tàn phá ; tệ ; tổn mất ; tổn thất ; đã lãng phí ; đã lãng phí ;
đang lãng phí ; đã bị lãng phí ; đã lãng phí ; đã phí ; đã yếu ; đã ;

Bạn đang xem: Wasted là gì

bị lãng phí ; bị phí hoài ; bị phí phạm ; bị ; bỏ mất ; bỏ ra ; dành ; giết ; giựt ; hoang phí ; hoang ;
hoài phí ; hấn tàn phá ; làm lãng phí ; làm mất ; lãng phí ; lãng phí ; mất ; người ta phí ; phung
phí ; phá hoang ; phê dữ ; phê thuốc ; phí hoài ; phí nó ; phí phạm ; phí quá ; phí ; sự lãng phí ;
ta phí ; thải ra ; tàn phá ; tệ ; tổn mất ; tổn thất ; đang lãng phí ; đã bị lãng phí ; đã lãng phí ; đã
phí ; đã yếu ;

(của một cơ quan hoặc bộ phận cơ thể) bị giảm kích thước hoặc sức mạnh do bệnh tật hoặc
chấn thương hoặc thiếu sử dụng

* tính từ- bỏ hoang, hoang vu (đất)=waste land+ đất hoang=to lie waste+ để hoang; bị bỏ
hoang- bị tàn phá=to lay waste+ tàn phá- bỏ đi, vô giá trị, không dùng nữa, bị thải đi=waste gas;
waste steam+ khí thừa=waste paper+ giấy lộn, giấy vứt đi=waste water+ nước thải, nước bẩn
đổ đi- vô vị, buồn tẻ=the waste periods of history+ những thời kỳ vô vị của lịch sử* danh từ- sa
mạc; vùng hoang vu, đất hoang=the wastes of the Sahara+ sa mạc Xa-ha-ra- rác rưởi; thức ăn
thừa- (kỹ thuật) vật thải ra, vật vô giá trị không dùng nữa=printing waste+ giấy in còn lại; giấy
vụn sau khi đóng sách- sự phung phí, sự lãng phí; sự hao phí=it's a sheer waste of time+ thật
chỉ phí thì giờ=to run (go) to waste+ uống phí đi=to prevent a waste of gas+ để ngăn ngừa sự
hao phí hơi đốt* ngoại động từ- lãng phí=to waste one's time+ lãng phí thì giờ=to waste one's
words+ nói uống lời=waste not, want not+ không phung phí thì không túng thiếu- (từ Mỹ,nghĩa
Mỹ) bỏ qua, để lỡ=to waste one's chance+ để lỡ cơ hội- bỏ hoang (đất đai)- tàn phá- làm hao
mòn dần=a wasting disease+ một bệnh làm hao mòn sức khỏe- (pháp lý) làm hư hỏng, làm mất
phẩm chất (của vật gì)* nội động từ- lãng phí, uống phí=don't let water waste+ đừng để nước
chảy phí đi- hao mòn=to waste away+ gầy mòn ốm yếu đi- (từ cổ,nghĩa cổ) trôi qua (ngày,
tháng...)=the day wastes+ ngày trôi qua

* tính từ- lãng phí, hoang phí, tốn phí=wasteful expenditure+ sự chi tiêu tốn phí=a wasteful
person+ một người hay lãng phí

lãng phí

Xem thêm: Người chơi Warlock trở lại cần trợ giúp vào năm 2020: Bladeandsoul, Hướng dẫn
xây dựng Warlock Dps tốt nhất cho Wow Classic

* danh từ- sự lãng phí, sự hoang phí

lãng phí

* danh từ- sự tàn phá, sự phá hoại- sự hao mòn dần* tính từ- tàn phá, phá hoại=a wasting
storm+ một trận bão tàn phá- làm hao mòn dần=a wasting disease+ một bệnh làm hao mòn dần
sức khỏe=a wasting care+ mối lo lắng mòn mỏi

Mục lục từ tiếng Anh: **A. B. C. D. E. F. G. H. TÔI . J K. L. M. N. Ô. P. Q. R. S. T. U. V. W. X. Y. Z.**

Mục lục Từ Tiếng Việt: A. B. C. D. E. F. G. H. TÔI . J K. L. M. N. Ô. P. Q. R. S. T. U. V. W. X. Y.
Z.

Đây là viết phiên dịch tiếng anh. Bạn có thể sử dụng nó miễn phí. Hãy đánh dấu chúng
tôi:Tweet

Xem thêm: Hàm Strcmp Trong C++ Là Gì, Hỏi Về Strcmp() Trong C

Vietnamese Translator. English to Viet Dictionary and Translator. Tiếng Anh vào từ điển tiếng
việt và phiên dịch. Formely VietDicts.com.© 2015-2021. All rights reserved. Terms & Privacy –
Sources

Chuyên mục: HOT

The post [What Is The Meaning Of “Let’S Get Wasted Là Gì. What Is The Meaning Of Let’S Get Wasted](#) first appeared on [CALLOFDUTYMOBILEPC.COM](#).

via CALLOFDUTYMOBILEPC.COM

<https://callofdutymobilepc.com/what-is-the-meaning-of-lets-get-wasted-la-gi-what-is-the-meaning-of-lets-get-wasted/>